TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 01- 2026
V/v Tranh chấp "Ly hôn nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận
2. Bà Trần Thị Mộng Tưởng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh M - sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp C, xã N, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Đồng Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp C, xã N, tỉnh An Giang.

(Anh M có mặt, chị K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Danh M trình bày***:

Anh và chị K trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/2/2021. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hòa hợp luôn bất đồng về quan điểm và cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh

thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Danh Thị Huỳnh H - sinh ngày 25/4/2011; Danh Thị Huỳnh A – sinh ngày 30/3/2020, hiện cháu H đang sống cùng với anh, cháu A đang sống với chị K. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, giao cháu A cho chị K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đồng Thị K đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang nhận thấy như sau:

Về hôn nhân anh M, chị K tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/2/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục duy trì được nữa. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, hiện cháu H đang ở với anh M, cháu A đang ở với chị K; anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, giao cháu A cho chị K nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo cho chị K nhưng chị K không thể hiện ý kiến về việc anh M giao cháu A cho chị K nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M, giao cháu H cho anh M nuôi, giao cháu A cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Anh Danh M yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa anh và chị K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2}Về sự có mặt của đương sự: Chị K là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng; nhưng chị không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị K không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị K.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Danh M và chị Đồng Thị K trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010. Anh chị có đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang) đăng ký kết hôn vào ngày 08/2/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến tháng 01/2021 thì ly thân. Anh M và chị K cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đối với chị K, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc anh M yêu cầu được ly hôn; nhưng chị K không có ý kiến gì về việc anh M yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh M và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Danh M được ly hôn với chị Đồng Thị K.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Danh Thị Huỳnh H - sinh ngày 25/4/2011; Danh Thị Huỳnh A - sinh ngày 30/3/2020, hiện cháu H đang sống cùng với anh M, cháu A sống cùng với chị K. Anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, anh giao cháu A cho chị K nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án tống đạt thông báo về việc anh M giao cháu A cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị K không có ý kiến gì về việc anh M giao con cho chị nuôi. Mặt khác, tại bản tự khai cháu H có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu yêu cầu được ở với cha. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử giao cháu H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M và chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ

hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002307 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh M đã nộp đủ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh D Mừng được ly hôn với chị Đồng Thị K.

2. Về con chung: Xử giao cháu Danh Thị Huỳnh H - sinh ngày 25/4/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Danh Thị Huỳnh A - sinh ngày 30/3/2020 cho chị Đồng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M, chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002307 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh M đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh M được tính kể ngày tuyên án (ngày 28/01/2026). Chị K được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, cùng cấp;*
- *Phòng thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ, Vp*